

“Thế nào là Tỳ-kheo-niệm không thác loạn? Tỳ-kheo như vậy, quán thân trên nội thân, tinh cần không biếng nhác, nhớ nghĩ không quên, trừ tham ưu ở đời. Quán thân trên ngoại thân; quán thân trên nội ngoại thân, tinh cần không biếng nhác, nhớ nghĩ không quên, trừ tham ưu ở đời. Quán thọ, quán ý, quán pháp cũng vậy. Đó là Tỳ-kheo-niệm không thác loạn.

“Thế nào là nhất tâm? Tỳ-kheo như vậy hoặc tản bộ, hoặc ra vào, hoặc quay nhìn hai bên, co duỗi, cúi ngược, cầm y bát, tiếp nhận ẩm thực, hoặc tả hữu tiện lợi, hoặc ngủ hoặc thức, hoặc ngồi hoặc đứng, nói năng hay im lặng, vào bất cứ lúc nào, thường niệm nhất tâm, không mất oai nghi. Đó là nhất tâm. Cũng như một người đi giữa đám đông, hoặc đi ở trước, ở giữa hay ở cuối, thường an ổn, không có điều sợ hãi. Ma-nạp, Tỳ-kheo như vậy,... cho đến, nói năng im lặng, thường niệm nhất tâm, không buồn không sợ.

“Tỳ-kheo có Thánh giới như vậy, được các căn bậc Thánh, ăn thì biết đủ, đầu hôm, cuối hôm, tinh cần tỉnh thức, thường niệm nhất tâm, không có thác loạn. Thích ở nơi vắng, dưới gốc cây, trong bãi tha ma, hoặc trong hang núi, hoặc ở đất trống hay trong chỗ đóng phân¹; đến giờ khát thực, lại rửa tay chân, đặt yên y bát, ngồi kiết già, ngay người chánh ý, buộc chặt niệm trước mắt. Trừ bỏ xan tham, tâm không đeo theo²; diệt tâm sân hận, không có oán kết, tâm trú thanh tịnh, thường giữ lòng từ; trừ dẹp ngủ nghỉ³, buộc tưởng nơi ánh sáng⁴, niệm không thác loạn; đoạn trừ trạo hý⁵, tâm không khuấy động, nội tâm an tịnh⁶, diệt tâm trạo hý; đoạn trừ nghi hoặc, đã vượt lưới nghi, tâm chuyên nhất ở nơi pháp thiện⁷. Cũng như đồng bọc được đại gia ban cho chủng

1. Hán: phần tụ 糞聚; có lẽ Pāli: palāla-puñja, đóng rơm.

2. Hán: tâm bất dữ câu 心不與俱; Pāli: abhijhāya cittaṃ parisodheti, tâm gột sạch xan tham.

3. Pāli: thīna-middham pahāya, loại bỏ trạng thái buồn ngủ và đã dụi.

4. Hán: hệ tưởng tại minh 繫想在明; phương pháp trừ buồn ngủ bằng cách thực tập quang minh tưởng; Pāli: āloka-saññī sato, ý niệm với ảnh tượng ánh sáng.

5. Trạo (điệu) hý 掉戲, hay trạo hối 掉悔, trạo cử và hối tiếc; chỉ trạng thái bút rút và bốn chôn; Pāli: uddhacca-kukkucca.

6. Nội hành tịch diệt 內行寂滅; Pāli: ajjhataṃ vūpasanta-citto.

7. Hán: kỳ tâm chuyên nhất tại ư thiện pháp 其心專一在於善法; Pāli: akathaṃkāthī kusalesu dhammesu, không phân vân đối với các pháp thiện.

tánh, an ổn giải thoát, miễn khỏi sai khiến, tâm hoan hỷ, không còn lo, sợ.

“Lại như có người mượn tiền đi buôn bán⁸, được lợi lớn mà trở về, trả vốn cho chủ, còn dư tiền đủ dùng, bèn nghĩ rằng: ‘Ta trước mượn tiền đi buôn, e không như ý. Nay được lợi mà trở về, trả vốn cho chủ, tiền còn dư đủ dùng, không lo, sợ.’ Người ấy rất đổi vui mừng.”

“Như người bệnh lâu, nay bệnh đã khỏi; ăn uống được tiêu hóa, sức lực dồi dào, bèn nghĩ rằng: ‘Ta trước có bệnh, mà nay đã khỏi; ăn uống được tiêu hóa, sức lực dồi dào, không còn lo và sợ.’ Người ấy rất đổi vui mừng.

“Cũng như người bị nhốt trong ngục đã lâu, nay bình yên ra tù, bèn nghĩ thầm rằng: ‘Ta trước đây bị giam giữ, nay được giải thoát, không còn lo và sợ.’ Người ấy rất đổi vui mừng.

“Lại như có người cầm nhiều tài bảo, đi qua chỗ hoang mạc, không gặp cướp, bình an qua khỏi, bèn tự nghĩ rằng: ‘Ta cầm tài bảo qua khỏi chỗ hiểm nạn này, không còn lo và sợ.’ Người ấy rất đổi vui mừng, tâm tư an lạc.

“Ma-nạp, Tỳ-kheo bị năm triền cái bao phủ cũng giống như vậy. Như người mang nợ, bệnh lâu, bị giam giữ, đi qua hoang mạc⁹, tự thấy mình chưa thoát ly các ấm che trùm tâm, bị trùm kín trong tối tăm, mắt tuệ không sáng; vị ấy bèn tinh cần, xả dục, xả pháp ác, bất thiện, có giác có quán, có hỷ do viễn ly sanh, chứng nhập Sơ thiền. Vị ấy có hỷ lạc nhuần thấm nơi thân, tràn đầy cùng khắp, không đâu là không sung mãn. Như người khéo biết cách tắm, cho thuốc đầy bồn tắm, rồi chế nước vào, trong ngoài đều nhuần thấm¹⁰, không đâu là không cùng khắp. Tỳ-kheo cũng vậy, chứng nhập Sơ thiền, hỷ lạc nhuần thấm khắp thân, không đâu không sung mãn. Như vậy, này Ma-nạp, đó là hiện thân chứng đặc lạc thứ nhất. Vì sao? Ấy là do tinh tấn, niệm không thác loạn, ưa chỗ nhàn tĩnh mà được vậy.

“Vị ấy xả giác, quán, bèn phát sanh tín¹¹, chuyên niệm nhất tâm,

⁸. Hán: cử tài trị sanh 舉財治生; Pāli: iṇaṃ ādāya kammante payojeyya, người mắc nợ, bèn làm các nghề nghiệp (để trả nợ).

⁹. Bản Hán kể thiếu: như cảnh nô lệ. Thứ tự năm thí dụ cho năm triền cái hơi khác bản Pāli.

¹⁰. Bọt thấm nước và do đó hòa tan với nước.

¹¹. Hán: tiện sanh vi tín 便生為信, Huyền Tráng dịch: nội đẳng tịnh 內等淨, trang

không giác không quán, có hỷ lạc do định sanh, chứng nhập đệ Nhị thiền. Vị ấy có hỷ lạc và nhất tâm thấm nhuần châu thân, cùng khắp, tràn đầy, không đâu không sung mãn. Cũng như nước suối trong mát từ đỉnh núi chảy ra¹², không phải từ ngoài đến, mà nước trong mát chảy ra ngay từ trong con suối ấy, trở lại thấm nhuần chính nó, không đâu không cùng khắp. Ma-nạp, Tỳ-kheo cũng vậy, nhập Nhị thiền, có hỷ lạc do định sanh không đâu không sung mãn. Đó là hiện thân chứng đắc lạc thứ hai.

“Vị ấy lìa hỷ, an trú xả và niệm, không tán loạn¹³, thân cảm thọ lạc, như điều mà Thánh nói, khởi hộ niệm lạc¹⁴, chứng nhập Tam thiền. Vị ấy thân không hỷ, có lạc thấm nhuần, cùng khắp, tràn đầy, không đâu không sung mãn. Cũng như hoa Ưu-bát, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-vật-đầu, hoa Phân-đà-ly¹⁵, mới nhô khỏi bùn mà chưa ra khỏi nước, với cọng, rễ, cành, lá còn chìm ngập trong nước, không đâu không cùng khắp. Ma-nạp, Tỳ-kheo cũng vậy, chứng nhập Tam thiền, lìa hỷ, an trú lạc, nhuần thấm khắp thân, không đâu không cùng khắp. Đó là hiện thân chứng đắc lạc thứ ba.

“Vị ấy xả hỷ và lạc; ưu và hỷ đã diệt từ trước, không khổ, không lạc, xả¹⁶ niệm thanh tịnh, nhập Tứ thiền. Thân tâm thanh tịnh, tràn đầy cùng khắp, không chỗ nào không thấm nhuần. Cũng như một người đã tắm gội sạch sẽ, khoác lên mình tấm lụa trắng mới tinh, toàn thân thanh tịnh. Ma-nạp, Tỳ-kheo cũng vậy, nhập Tứ thiền, tâm thanh tịnh, tràn

thái trong sáng của nội tâm; Pāli: *ajjhataṃ sampasādam*.

- ¹². Hán: sơn đỉnh lương tuyến thủy tụ trung xuất 山頂涼泉水聚中出; Pāli: *udakarahado ubbhidodako*, nước phun lên từ hồ nước sâu.
- ¹³. Hán: bỉ xả hỷ trú hộ niệm bất thổ loạn 彼捨喜住護念不措亂. Đoạn này Hán dịch không chính xác. Pāli: *upekha* hay Skt.: *upekṣā*, thường được dịch là xả, chỉ trạng thái nội tâm quân bình, chứ không phải hộ. Dịch giả phân tích sai ngữ nguyên: *upa*: bên trên + *ikṣā* (Pāli: *ikha*): nhìn. Tham chiếu Pāli: ‘*pītiyā ca virāgā ca upekhako ca viharati sato ca sampajāno*, vị ấy loại trừ hỷ, an trú xả, chánh niệm chánh trí.
- ¹⁴. Xem chú thích 65. Tham chiếu Pāli: *sukhañ ca kāyena paṭisaṃvedeti yan taṃ ariyā ācikkhanti: upekhako satimā sukha-vihārī*: thân cảm giác lạc, điều mà các Thánh nói là an trú lạc với xả (trạng thái quân bình nội tâm) và chánh niệm.
- ¹⁵. Các loại sen, hay bông súng: Uppala, sen (súng) xanh; Bát-đầu-ma: sen chỉ chung, có khi chỉ sen đỏ; Kuduma: sen(súng) trắng; Pundarika: sen trắng.
- ¹⁶. Xem chú thích 66.

khấp thân, không chỗ nào không thấm.

“Lại nhập Tứ thiền, tâm không tăng giảm, cũng không dao động, an trú trên mảnh đất không ái, không nhuế, không động. Cũng như mặt thất, trong ngoài được sơn quét, đóng chặt các cửa nẻo, không gió không bụi lọt vào, bên trong đốt đèn, không bị khuấy động, ngọn lửa bốc thẳng mà không lay động. Ma-nạp, Tỳ-kheo cũng vậy, nhập đệ Tứ thiền, tâm không tăng giảm, cũng không khuynh động, an trú trên đất không ái, không nhuế, không dao động. Đó là hiện thân chứng lạc thứ tư.

“Vị ấy với tâm định tĩnh¹⁷, thanh tịnh không dơ, nhuần nhuyễn, khéo được huấn luyện, an trú trạng thái bất động¹⁸, tự mình trong thân khởi tâm biến hóa, hóa thành thân khác, chân tay đầy đủ, các căn không khuyết. Vị ấy quán như vậy: ‘Thân này, với sắc bốn đại, hóa thành thân kia. Thân này cũng khác, thân kia cũng khác. Từ thân này khởi tâm hóa thành thân kia, các căn đầy đủ, chân tay không khuyết.’ Cũng như người rút con dao khỏi bao, bèn nghĩ rằng: ‘Bao khác với dao, nhưng dao được rút ra từ bao.’ Lại như một người se gai làm dây, nghĩ rằng: ‘Gai khác với dây. Nhưng dây xuất xứ từ gai.’ Lại như một người cho rắn bò ra khỏi hộp¹⁹, nghĩ rằng: ‘Rắn khác hộp khác, nhưng rắn từ hộp mà ra.’ Lại như một người lấy áo ra khỏi giỏ tre, nghĩ rằng: ‘Giỏ tre khác áo khác, nhưng áo được lấy ra từ giỏ. Ma-nạp, Tỳ-kheo cũng vậy. Đây là thắng pháp đầu tiên được chứng đắc. Vì sao? Ấy do tinh tấn, niệm không thác loạn, ưa chỗ nhàn tĩnh mà được vậy.

“Vị ấy với tâm định tĩnh, thanh tịnh không dơ, nhu nhuyễn, được khéo huấn luyện, an trú trạng thái bất động, từ sắc thân bốn đại của mình mà khởi tâm, hóa thành thân khác, đủ cả tay chân và các căn, nghĩ rằng: ‘Thân này do bốn đại hợp thành. Thân kia từ thân này hóa ra. Thân này với thân kia khác nhau. Tâm này trú trong thân này, y thân này mà an trú, rồi đi đến trong thân biến hóa kia. Cũng như lưu ly, ma ni, được lau chùi sáng loáng, trong sạch không dơ; hoặc được khâu bằng chỉ xanh, chỉ vàng, chỉ đỏ, người có mắt đặt trong lòng tay mà nhìn, biết rằng ngọc và dây khâu khác nhau. Nhưng dây dựa ngọc, từ hạt này đến hạt khác. Ma-nạp, Tỳ-kheo quán tâm nương thân này mà an

¹⁷. Pāli: samāhite citte.

¹⁸. Trú bất động địa 住不動地; Pāli: ÷hite ānejjappatte.

¹⁹. Hán: khiệp trung xuất xà 篋中出蛇; Pāli: ahim karaṇḍa uddhareyya, con rắn lột vỏ; Pāli: karaṇḍa, cái giỏ, xác (vỏ) rắn.

trú, rồi đi đến thân kia cũng như vậy. Đó là Tỳ-kheo chứng đắc thắng pháp thứ hai. Vì sao? Ấy do tinh cần, niệm không tán loạn, ưa chỗ nhàn tĩnh mà được vậy.

“Vị ấy, với tâm định tĩnh, thanh tịnh không dơ, mềm dịu, dễ điều phục, an trú bất động địa, nhất tâm tu tập thần thông trí chứng²⁰, có thể biến hóa các thứ: hoặc biến một thân thành vô số thân; từ vô số thân hợp thành một thân; thân có thể bay đi, vách đá không ngăn ngại; dạo trong hư không như chim, đi trên nước như đi trên đất; mình bốc khói lửa, như đồng lửa lớn; tay sờ mặt trời, mặt trăng, đứng cao đến Phạm thiên; muốn làm gì tùy ý, đều có thể tự tại thành tựu, làm ích lợi cho nhiều người. Lại như thợ ngà khéo xử lý ngà voi. Cũng như thợ vàng khéo luyện chơn kim, tùy ý mà làm, ích lợi cho nhiều người. Ma-nạp, Tỳ-kheo như vậy, tâm định tĩnh, thanh tịnh, an trú bất động địa, tùy ý biến hoá, cho đến, tay sờ mặt trời, mặt trăng, đứng cao đến Phạm thiên. Đó là thắng pháp thứ ba của Tỳ-kheo.

“Vị ấy với tâm đã định, thanh tịnh không dơ, mềm dịu, khéo điều phục, an trú bất động địa, nhất tâm tu tập chứng thiên nhĩ trí²¹. Vị ấy, với thiên nhĩ thanh tịnh vượt qua lỗ tai con người, nghe được hai loại tiếng: tiếng chư Thiên và tiếng loài người. Cũng như trong thành có đại giảng đường, cao lớn, rộng rãi, có người thính tai ở trong giảng đường; những âm thanh có trong giảng đường, không phải cố gắng để nghe, người ấy nghe rõ hết. Cũng vậy, Tỳ-kheo do tâm đã định, với thiên nhĩ thanh tịnh, nghe được hai thứ tiếng. Ma-nạp, đó là thắng pháp thứ tư của Tỳ-kheo.

“Vị ấy với tâm đã định, thanh tịnh không dơ, mềm dịu, khéo điều phục, an trú bất động địa, nhất tâm tu tập chứng tha tâm trí²². Vị ấy đúng như tâm của người, có dục hay không dục, có cấu uế hay không cấu uế²³, có si hay không si, tâm rộng hay hẹp²⁴, tâm lớn hay nhỏ²⁵, tâm

²⁰. Thần thông trí chứng 神通智證. Huyền Tráng: Thần cảnh trí chứng thông 神景智證 通; Skt.: Īddapāde jñāna-sākṛātkriyābhijñā, Pāli: Iddhi-vidhāya.

²¹. Chứng thiên nhĩ trí 天耳智; Pāli: dibbāya sotadhātuyā cittaṃ abhinīharati abhininnāmeti, vị ấy hướng tâm đến thiên nhĩ giới.

²². Tha tâm trí 他心智; Pāli: ceto-pariya-nāṇa.

²³. Hữu cấu vô cấu 有垢無垢; Pāli: sa-dosaṃ vā... vīta-dosaṃ vā, có sân, hay không sân.

²⁴. Quảng tâm hiệp tâm 廣心狹心; Pāli: saṃkhittaṃ vā cittaṃ... visakhittaṃ vā

định hay loạn, tâm bị trói buộc hay cởi mở, tâm cao thượng hay hạ liệt, cho đến, tâm vô thượng, thấy đều biết hết. Cũng như một người rọi bóng mình trong nước trong, đẹp hay xấu đều xét biết cả. Tỳ-kheo như vậy, vì tâm định tĩnh cho nên có thể biết tâm người. Ma-nap, đó là thắng pháp thứ tư của Tỳ-kheo.

“Vị ấy tâm định, thanh tịnh không cấu uế, mềm dịu, khéo điều phục, an trú bất động địa, nhất tâm tu tập túc mạng trí chứng²⁶, liền có thể biết được đời trước, với vô số sự việc; có thể nhớ một đời cho đến vô số đời, số kiếp thành hoại; chết đây sanh kia; danh tánh, chủng tộc, ẩm thực xấu tốt, thọ mạng dài vẫn, cảm thọ khổ lạc, hình sắc tướng mạo thế nào, tất cả đều nhớ biết hết. Cũng như một người từ thôn xóm mình đi đến nước khác; ở tại chỗ kia, hoặc đi hoặc đứng, hoặc nói hoặc im lặng; rồi lại từ nước này đến nước khác. Lăn lợt như vậy, sau đó quay về chốn cũ. Không cần nhọc sức mà vẫn có thể nhớ những nước đã đi qua; từ chỗ này đến chỗ kia, từ chỗ kia đến chỗ này; đi, đứng, nói năng, im lặng, thấy đều nhớ hết. Ma-nap, Tỳ-kheo như vậy, do tâm đã định tĩnh, thanh tịnh không cấu uế, an trú bất động địa, có thể bằng túc mạng trí mà nhớ đời trước vô số sự việc trong vô số kiếp. Đó là Tỳ-kheo chứng đắc minh thứ nhất²⁷. Vô minh vĩnh viễn diệt, pháp đại minh phát sanh; cái tối tăm tiêu diệt, pháp sáng chói phát sanh. Đây là Tỳ-kheo đắc túc mạng trí minh. Vì sao? Ấy do tinh cần, niệm không tán loạn, ưa chỗ thanh nhàn vắng vẻ mà được như vậy.

“Vị ấy, với tâm định tĩnh, thanh tịnh không cấu uế, nhu nhuyễn khéo điều phục, an trú bất động địa, nhất tâm tu tập sanh tử trí chứng²⁸. Vị ấy với thiên nhãn thuần tịnh, thấy các chúng sanh sanh đây chết kia; chết ở kia, sanh đến nơi này, hình sắc đẹp xấu, quả báo thiện ác, tôn quý, ty tiện, tùy nghiệp báo đã tạo mà phù hợp với nhân duyên, tất cả đều biết rõ. Người này thân hành ác, khẩu nói ác, ý nghĩ ác, phỉ báng

cittam, tâm chuyên chú hay tâm không chuyên chú.

²⁵. Tiểu tâm đại tâm 小心大心; Pāli: mahaggatam vā cittam... amahaggatam vā cittam, tâm quảng đại (đại hành tâm) hay không quảng đại (phi đại hành tâm).

²⁶. Túc mạng trí chứng 宿命智證, hay túc trú tùy niệm trí 宿住隨念智; Pāli: pubbenivāsānussati-ñāṇa.

²⁷. Bản Pāli đề cập cả sáu mà không phân thành thông 通 (abhiñña, thắng trí) và minh 明 (vijja). Trong bản Hán, ba trường hợp đầu là thông, ba trường hợp sau là minh.

²⁸. Pāli: sattānam cutūpapāta-ñāṇa.

Hiền thánh, tin theo tà kiến điên đảo, thân hoại mạng chung đọa ba đường ác. Người này thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện, không phỉ báng Hiền thánh, hành theo chánh kiến, thân hoại mạng chung, sanh lên trời, người. Bằng thiên nhãn thanh tịnh, thấy chúng sanh tùy theo duyên của nghiệp đã làm, qua lại trong năm đường. Cũng như khoảng đất bằng cao rộng trong thành nội, đầu ngã tư đường cất một lầu cao lớn, người mắt sáng đứng trên lầu mà nhìn, thấy các bộ hành Đông, Tây, Nam, Bắc, mọi cử động, tất cả đều thấy hết. Ma-nạp, Tỳ-kheo như vậy, với tâm định tĩnh, không cấu uế, thanh tịnh, nhu nhuyễn dễ điều phục, an trú bất động địa, chứng sanh tử trí. Bằng thiên nhãn thanh tịnh, thấy hết chúng sanh với những việc thiện ác mà chúng đã làm, tùy nghiệp thọ sanh, qua lại năm đường, thấy đều biết cả. Đó là minh thứ hai của Tỳ-kheo. Đoạn trừ vô minh, sanh tuệ minh, xả bỏ tối tăm, phát ra ánh sáng trí tuệ. Đó là kiến chúng sanh sanh tử trí minh vậy. Vì sao? Ấy do tinh cần niệm không tán loạn, ưa một mình nơi thanh vắng mà được vậy.

“Vị ấy với tâm định tĩnh, thanh tịnh không cấu uế, nhu nhuyễn dễ điều phục, an trú bất động địa, nhất tâm tu tập vô lậu trí chứng²⁹. Vị ấy như thật biết Khổ thánh đế, như thật biết hữu lậu tập, như thật biết hữu lậu diệt tận, như thật biết con đường dẫn đến vô lậu. Vị ấy biết như vậy, thấy như vậy; tâm giải thoát khỏi dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu, chứng đắc giải thoát trí³⁰: ‘sanh tử đã hết, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa.’ Cũng như trong nước trong, có gỗ, đá, cá, ba ba, các loại thủy tộc du hành Đông-tây, người có mắt sáng thấy rõ hết: đây là gỗ, đá; đây là cá, ba ba. Ma-nạp, Tỳ-kheo như vậy, với tâm định tĩnh, an trú bất động địa, đắc vô lậu trí chứng, cho đến, không còn tái sanh. Đó là Tỳ-kheo đắc minh thứ ba. Đoạn trừ vô minh, phát sanh tuệ minh, xả bỏ tối tăm, phát ra ánh sáng đại trí. Đó là vô lậu trí minh. Vì sao? Ấy do tinh cần, niệm không tán loạn, ưa một mình nơi thanh vắng vậy.

“Ma-nạp, đó là Minh và Hạnh vô thượng được đầy đủ. Ý người nghĩ sao, Minh và Hạnh như vậy là đúng, hay sai?

Phật bảo Ma-nạp:

²⁹. Pāli: āsavānam khaya-ñāṇa.

³⁰. Pāli: vimuttasmim vimuttam iti ñāṇam hoti, trong sự giải thoát, biết rằng mình đã giải thoát.

“Có người không thể chứng đắc đầy đủ Minh Hạnh vô thượng, nhưng thực hành bốn phương tiện³¹. Những gì là bốn? Ma-nạp, hoặc có người không được đầy đủ Minh Hạnh vô thượng, nhưng vác rựa, ôm lồng³², đi vào rừng tìm thuốc, ăn rễ cây. Đó là không được Minh Hạnh vô thượng mà hành phương tiện thứ nhất. Thế nào, Ma-nạp, phương tiện thứ nhất này, người và thầy các người có làm không?”

Đáp: “Không”.

Phật bảo Ma-nạp:

“Người tự mình thấp kém, không hay biết chơn nguy, lại cứ phỉ báng, khinh mạn Thích tử, tự gieo mầm tội lỗi, nuôi lớn gốc rễ địa ngục.

“Lại nữa, Ma-nạp, không được thành tựu Minh Hạnh vô thượng, mà tay cầm bình nước rửa, vác gậy toán thuật³³, vào núi rừng, ăn trái cây tự rụng. Ma-nạp, đó là không được thành tựu Minh Hạnh vô thượng mà hành phương tiện thứ hai. Thế nào, Ma-nạp, người và thầy người có hành pháp này chăng?”

Đáp: “Không”.

Phật bảo Ma-nạp:

“Người tự mình thấp kém, không rõ chân nguy, bèn phỉ báng, khinh mạn Thích tử, tự gieo mầm ác, nuôi lớn gốc địa ngục lâu dài.

“Lại nữa, Ma-nạp, không được thành tựu Minh Hạnh vô thượng, mà bỏ lối hái thuốc và lượm trái cây rụng trên đây, trở về thôn xóm, sống nương người đời, cất am tranh, ăn lá cây, lá cỏ³⁴. Ma-nạp, đó là không được thành tựu Minh Hạnh vô thượng mà thực hành phương tiện thứ ba. Thế nào, Ma-nạp, người và thầy người có hành pháp này chăng?”

Đáp: “Không”.

Phật bảo Ma-nạp:

³¹. Hán: nhi hành tứ phương tiện 而行四方便; Pāli: cattāri apāya-mukhāni bhavanti, có bốn phương diện tổn thất. Trong bản Hán, upāya (phương tiện) thay cho apāya (tổn thất) trong bản Pāli.

³². Hán: trì chước phụ lung 持斫負籠; Pāli: kuddāla-piṭakam ādāya, mang theo cuốc và giỏ. Trong bản Pāli, đây là tổn thất thứ hai.

³³. Hán: thủ chấp tháo bình, trì trượng toán thuật 手執澡瓶持杖算術; Pāli: khāri-vividham ādāya, mang dụng cụ của đạo sĩ.

³⁴. Bản Pāli, trường hợp thứ ba: agyāgāraṃ karitvā aggim paricaranto acchati, dụng Thánh hỏa đường và thờ lửa.

“Người tự mình thấp kém, không rõ chân ngụy, bèn phỉ báng, khinh mạn Thích tử, tự gieo mầm ác, nuôi lớn gốc địa ngục lâu dài.

“Lại nữa, Ma-nạp, không được thành tựu Minh Hạnh vô thượng, nhưng không ăn cỏ thuốc, không ăn trái cây rụng, không ăn lá cỏ, mà dựng nhà gác to lớn nơi thôn xóm thành ấp³⁵. Những người đi đường từ Đông sang Tây ngang qua đó đều được cấp dưỡng tùy khả năng. Đó là không được Minh Hạnh vô thượng mà thực hành phương tiện thứ tư. Thế nào, Ma-nạp, người và thầy người có hành pháp ấy không?”

Đáp: “Không”.

Phật bảo Ma-nạp:

“Người tự mình thấp kém, không rõ chơn ngụy, bèn phỉ báng, khinh mạn Thích tử, tự gieo mầm tội, nuôi lớn gốc địa ngục.

“Thế nào, Ma-nạp, các Bà-la-môn kỳ cựu và các Tiên nhân, với nhiều kỹ thuật, tán thán, xưng tụng những điều mình học tụng, như nay những điều được các người Bà-la-môn, tán thán, ca ngợi. Đó là:

“1. A-tra-ma.

“2. Bà-ma.

“3. Bà-ma-đề-bà.

“4. Tỷ-ba-mật-đa.

“5. Y-đâu-lại-tát.

“6. Da-bà-đề-già.

“7. Bà-bà-bà-tát-tra.

“8. Ca-diệp.

“9. A-lâu-na.

“10. Cù-đàm.

“11. Thủ-di-bà.

“12. Tổn-đà-la.³⁶

³⁵. Pāli: cātummahāpathe catudvāraṃ agāraṃ karitvā, dựng ngôi nhà có bốn cửa tại ngã tư đường.

³⁶. Danh sách các tiên như cổ đại: A-tra-ma 阿吒摩, Bà-ma 婆摩, Bà-ma-đề-bà 婆摩提婆, Tỷ-ba-mật-đa 鼻波密多, Y-đâu-lại-tát 伊兜瀨悉, Da-bà-đề-già 耶婆提伽, Bà-bà-bà-tát-tra 婆婆婆悉吒, Ca-diệp 迦葉, A-lâu-na 阿樓那, Cù-đàm 瞿曇, Thủ-di-bà 首夷婆, Tổn-đà-la 損陀羅. Danh sách trong bản Pāli: Aṭṭaka, Vāmaka, Vāmadeva, Vessāmita, Yamataggi, Aṅgirassa, Bhāradvāja, Vāseṭṭha, Kassapa, Bhagu.

“Các Đại tiên, Bà-la-môn này, có đào hào, xây dựng nhà gác, như chỗ mà thầy trò người đang ở không?”

Đáp: “Không”.

“Các Đại tiên ấy có dựng thành quách vây quanh nhà cửa, rồi ở trong đó, như chỗ ở của thầy trò người hiện nay không?”

Đáp: “Không”.

“Các Đại tiên ấy có nằm trên giường cao, chăn đệm dày, mềm mại, như thầy trò người hiện nay không?”

Đáp: “Không”.

“Các Đại tiên kia có tự mình vui thú với vàng, bạc, chuỗi anh lạc, tràng hoa nhiều màu và mỹ nữ, như thầy trò người hiện nay không? Các Đại tiên kia có đi xe báu, cầm gậy sắt dẫn đường, che đầu bằng lọng trắng, tay cầm phất báu, mang guốc báu nhiều màu, lại mặc toàn lụa trắng, như thầy trò người hiện nay đang mặc không?”

Đáp: “Không”.

“Ma-nạp, người tự mình thấp hèn, không rõ chơn ngụy, mà lại phỉ báng, khinh mạn Thích tử, tự gieo mầm tội, nuôi lớn gốc địa ngục. Thế nào, Ma-nạp, như các đại tiên, các Bà-la-môn kỳ cựu kia, như A-tra-ma, tán thán, đề cao những gì mà họ vốn đọc tụng, nay những điều được các Bà-la-môn tán thán, đề cao cũng giống như vậy. Nếu truyền những điều ấy, để dạy vẽ người khác, mà muốn sanh lên Phạm thiên, không có trường hợp đó. Cũng như, này Ma-nạp, vua Ba-tư-nặc cùng nói chuyện với người khác, hoặc cùng bàn luận với các vua, hoặc với đại thần, Bà-la-môn, cư sĩ, mà những người nhỏ mọn khác nghe được, bèn vào thành Xá-vệ, gặp người, liền thuật chuyện vua Ba-tư-nặc có nói như vậy. Thế nào, Ma-nạp, vua có cùng bàn luận với người ấy không?”

Đáp: “Không”.

“Ma-nạp, người đọc thuộc lời vua cho những người khác nghe, há có thể làm đại thần cho vua được chăng?”

Đáp: “Không có chuyện ấy”.

“Ma-nạp, người ngày nay truyền lời của đại tiên đời trước, Bà-la-môn kỳ cựu, đọc tụng, dạy cho người, mà muốn sanh Phạm thiên, không có chuyện ấy. Thế nào, Ma-nạp, các người tiếp nhận sự cúng dường của người có thể tùy pháp mà thực hành được chăng?”

Đáp: “Đúng như vậy, Cù-đàm, nhận cúng dường của người khác

thì phải như pháp mà hành”.

“Ma-nạp, thầy người Phát-già-la-sa-la nhận phong ấp của vua, nhưng khi cùng nghị luận với vua Ba-tư-nặc, lại nói những lời vô ích mà vua không nên bàn đến, không đem sự việc chân chánh mà cùng bàn luận, cùng khuyên nhủ. Người nay tự mình xem xét lỗi lầm của thầy người và của chính người; nhưng hãy gác qua chuyện ấy, mà nên tìm hiểu nguyên nhân người đến đây.”

“Ma-nạp liền ngược mắt lên nhìn thân của Như Lai, tìm các tướng tốt. Thấy đủ các tướng khác, duy chỉ hai tướng không thấy, trong lòng hoài nghi. Bấy giờ, Thế Tôn thầm nghĩ: “Nay Ma-nạp này không thấy hai tướng nên sanh nghi ngờ như thế”. Ngài bèn cho ra tướng lưỡi rộng dài, liếm đến tai, phủ kín mặt. Lúc ấy, Ma-nạp còn nghi ngờ một tướng nữa. Thế Tôn lại nghĩ: “Nay Ma-nạp này vẫn còn nghi ngờ một tướng nữa”. Ngài bèn dùng thần lực khiến cho duy chỉ Ma-nạp thấy được tướng mã âm tàng. Ma-nạp thấy đủ các tướng rồi, không còn hồ nghi gì nơi Như Lai nữa, bèn rời chỗ ngồi đứng dậy, vòng quanh Phật rồi đi.

Khi ấy, Bà-la-môn Phát-già-la đứng ngoài cửa, từ xa trông thấy đệ tử đang đi đến, bèn đón lại, hỏi rằng:

“Người xem Cù-đàm có thật đủ các tướng không? Công đức thần thông có thật như lời đồn không?”

Tức thì bạch thầy rằng:

“Sa-môn Cù-đàm đầy đủ cả ba mươi hai tướng. Công đức thần lực đều như tiếng đồn.”

Thầy lại hỏi:

“Người có bàn luận ý nghĩa gì với Cù-đàm không?”

Đáp: “Thật có trao đổi với Cù-đàm”.

Thầy lại hỏi:

“Người với Cù-đàm thảo luận chuyện gì?”

Bấy giờ Ma-nạp kể hết câu chuyện cùng Phật luận bàn. Thầy nói:

“Ta có người đệ tử thông minh như vậy lại khiến xảy ra như vậy, chúng ta chẳng bao lâu sẽ đọa địa ngục. Vì sao? Lời nói của người, vì muốn hơn mà kích bác Cù-đàm, khiến cho ông ấy không vui lòng, đối với ta lại càng xa cách³⁷. Người được coi là đệ tử thông minh mà khiến

³⁷. Tham chiếu Pāli: Yadeva kho tvam Ambaṭṭha taṃ bhavantam Gotamam evam āsajja āsajja avacāsi, atha kho so bhavan Gotamo amhehi pi evam upanīyya

đến mức ấy, thì khiến ta vào địa ngục sớm.”

Thế rồi người thầy ấy lòng rất tức giận, bèn đạp Ma-nạp té xuống đất và ông tự mình đánh xe lấy. Ma-nạp kia khi vừa té xuống đất thì toàn thân nổi vảy trắng.

Khi ấy Bà-la-môn Phất-già-la-sa-la ngược nhìn mặt trời, nghĩ thầm rằng: “Nay chưa phải là lúc thăm giếng Sa-môn Cù-đàm. Ta hãy chờ sáng mai rồi đi thăm hỏi”.

Sáng hôm sau, ông thắt cổ xe báu, cùng với năm trăm đệ tử tùy tùng, đi đến rừng Y-xa; đến nơi, xuống xe, đi bộ đến chỗ Thế Tôn, chào hỏi xong, ngồi xuống một bên. Ông ngược nhìn thân Như Lai, đầy đủ các tướng, duy thiếu hai tướng. Bà-la-môn do đó có ý nghi ngờ về hai tướng. Phất biết ý nghĩ của ông, bèn làm lộ tướng lưỡi rộng dài, liếm đến tai và phủ kín mặt. Bà-la-môn lại còn nghi ngờ một tướng nữa. Phất biết ý nghĩ của ông, bèn dùng thần lực, khiến cho thấy tướng mã âm tàng. Bà-la-môn khi thấy đủ ba mươi hai tướng của Như Lai, trong lòng khai ngộ, không còn hồ nghi, liền bạch với Phất rằng:

“Nếu khi đi giữa đường mà gặp Phất, con dừng xe một lát, mong Ngài biết cho là con đã kính lễ Thế Tôn. Vì sao? Vì con nhận được phong cho thôn này. Nếu con xuống xe, sẽ mất thôn ấy và tiếng xấu đồn khắp.”

Ông lại bạch Phất:

“Nếu tôi xuống xe, cởi kiếm, lui tàn lọng và dẹp bỏ giải phướn, bình nước rửa và giày dép, nên biết ấy là tôi đã lễ kính Như Lai. Vì sao? Tôi nhận được phong cho thôn này. Nếu tôi xuống xe, sẽ mất thôn ấy và tiếng xấu đồn khắp.”

Lại bạch Phất:

“Nếu ở giữa đám đông, thấy Phất mà con đứng dậy, hoặc trích áo bày vai phải, tự xưng tên họ, nên biết, ấy là con đã lễ kính Như Lai. Vì sao? Vì con nhận được phong cho thôn này. Nếu con xuống xe, sẽ mất thôn ấy và tiếng xấu đồn khắp.”

Lại bạch Phất:

“Con xin quy y Phất, quy y Pháp, quy y Tăng. Xin nhận con làm

upanīyya, Ambattha, người càng nói lời công kích Tôn giả Cù-đàm, chúng ta càng bị Tôn giả Cù-đàm buộc tội.

Ưu-bà-tắc trong Chánh pháp. Từ nay về sau, con không giết, không trộm, không tà dâm, không dối, không uống rượu. Cúi mong Thế Tôn cùng các Đại chúng nhận lời mời của con.”

Đức Thế Tôn im lặng nhận lời.

Bà-la-môn thấy Phật im lặng, biết Ngài đã hứa khả, bèn rời chỗ ngồi đứng dậy lễ Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi đi. Về nhà, ông sửa soạn thức ăn. Sau khi bày biện mâm cỗ xong, ông quay trở lại thưa: “Đã đến giờ”.

Bấy giờ, Thế Tôn khoác y ôm bát cùng với đại chúng một ngàn hai trăm năm mươi người đi đến nhà ông ấy, rồi ngồi lên chỗ soạn sẵn.

Lúc ấy, Bà-la-môn tự tay châm chước thức ăn, cúng Phật và Tăng các thứ ngon ngọt. Ăn xong, dọn cất bát, dùng nước rửa xong, Bà-la-môn tay phải nắm cánh tay đệ tử là A-ma-trú đến trước Thế Tôn bạch rằng:

“Cúi mong Thế Tôn nghe lời hối lỗi của nó.”

Nói như vậy ba lần, rồi lại bạch Phật:

“Cũng như voi, ngựa đã được huấn luyện khéo; người này cũng vậy, tuy có sơ suất, cúi mong Ngài nhận lời hối lỗi.”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Câu cho người thọ mạng dài lâu, đời này an ổn. Mong cho chứng vầy trắng của đệ tử người được trừ.”

Phật nói vừa xong, người đệ tử kia liền khởi chứng vầy trắng.

Rồi thì, Bà-la-môn lấy một cái giường nhỏ để trước Thế Tôn. Thế Tôn bèn nói pháp cho Bà-la-môn, chỉ bày, khuyên dạy, khiến cho được ích lợi, hoan hỷ. Ngài giảng về thí, giới, sanh thiên, dục là ô uế, phiền não là tai họa, xuất yếu là trên hết, diễn bày thanh tịnh. Khi Thế Tôn biết tâm người Bà-la-môn đã nhu nhuyễn, thanh tịnh, không cấu bẩn, có thể nhận lãnh đạo giáo; như thường pháp của chư Phật, Ngài nói Khổ thánh đế, Khổ tập thánh đế, Khổ diệt thánh đế, Khổ xuất yếu thánh đế. Bà-la-môn lúc ấy ngay trên chỗ ngồi mà xa lìa trần cấu được pháp nhãn tịnh, cũng như tấm lụa trắng tinh dễ nhuộm màu, Bà-la-môn Phát-già-la-sa-la cũng vậy, thấy pháp, đắc pháp, quyết định đạo quả, không còn tin ở đạo khác, được vô sở úy, tức thì bạch Phật rằng:

“Con nay ba lần xin quy y Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng. Xin nhận con làm Ưu-bà-tắc trong Chánh pháp. Suốt đời không giết, không trộm, không tà dâm, không dối, không uống rượu. Cúi mong Thế Tôn cùng Đại chúng thương tưởng con, nhận lời mời bảy ngày.”

Thế Tôn im lặng nhận lời. Bà-la-môn tức thì trong bảy ngày cúng dường Phật và Đại chúng đủ các thứ. Bảy giờ, qua bảy ngày, Thế Tôn lại du hành nhân gian.

Phật đi chưa bao lâu, Phát-già-la-sa-la ngộ bệnh, mạng chung. Các Tỳ-kheo nghe Bà-la-môn này sau khi cúng dường Phật trong bảy ngày, sau đó mạng chung, bèn tự nghĩ thầm: Người này mạng chung, sanh vào cõi nào? Rồi chúng Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, lễ Phật xong, ngồi sang bên, bạch Phật rằng:

“Bà-la-môn sau khi cúng dường Phật suốt bảy ngày thì thân hoại mạng chung. Người ấy sanh vào chỗ nào?”

Phật nói với các Tỳ-kheo:

“Tộc tánh tử ấy đã tập hợp rộng rãi các điều thiện, đầy đủ pháp và tùy pháp, không trái pháp hành, đoạn trừ năm hạ phần kết, Niết-bàn ở nơi kia³⁸, không trở lại đời này nữa.”

Bảy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.



³⁸. Chỉ trường hợp Thánh giả Bất hoàn tái sanh lên Tịnh cư thiên và nhập Niết-bàn tại đó.